



ĐÁNH GIÁ CỦA CÔNG NHÂN KHU CÔNG NGHIỆP VỀ CƠ SỞ MẦM NON, MẪU GIÁO: AN TOÀN TRẺ EM VÀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

GIỚI THIỆU

Theo thống kê của Bộ giáo dục năm 2020, hơn 5,3 triệu trẻ em Việt Nam hiện đang học mầm non, trong đó 1,2 triệu trẻ được chăm sóc tại gần 3300 trường tư thục và 16.000 nhóm trẻ độc lập trên cả nước [1]. Tỷ lệ các cô công nhân ở nhóm trẻ tư thục độc lập có bằng cấp cao nhất là bằng tốt nghiệp PTTH hoặc chưa tốt nghiệp THPT, và không có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên (nghĩa là chưa đạt chuẩn theo điều 72 của Luật giáo dục [2]) chiếm khoảng 22% ở thành phố và 35% ở nông thôn theo nghiên cứu của Hentchel với cỡ mẫu 480 trường hoặc nhóm lớp [3]. Tính đến năm 2021, Việt Nam có 395 khu công nghiệp được thành lập [4] và 370 KCN KCX đã đi vào hoạt động, tạo việc làm cho 7 triệu lao động, trong đó khoảng trên 50% là lao động di cư [5]. Ở riêng Hà Nội, hiện có 10 khu công nghiệp với gần 165.000 lao động, trong đó gần 99.000 là lao động nữ [6]. Tốc độ phát triển khu công nghiệp nhanh nhưng việc thực hiện chính sách quốc gia và năng lực doanh nghiệp chưa đáp ứng với nhu cầu về nhà ở và nơi gửi trẻ của công nhân. Do vậy các nhóm trẻ gia đình, tự phát mọc lên tràn lan mà ít có giám sát về chất lượng, cùng với tình trạng quá tải của các cơ sở công lập hoặc tư thục trên địa bàn. Dù đã có nhiều chính sách được ban hành của chính phủ nhằm thúc đẩy xây dựng và cải thiện chất lượng cơ sở gửi trẻ [7,8,9], các vấn đề trên vẫn chưa có xu hướng giảm bớt và đã gây ra nhiều hệ lụy, tiêu biểu là các vụ bạo hành trẻ em ở nhóm lớp mầm non.

Bài viết này sẽ cung cấp phân tích về trải nghiệm sử dụng dịch vụ trông trẻ của công nhân khi gửi con để đi làm, rút ra từ kết quả khảo sát phối hợp giữa Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Cộng đồng (RTCCD) và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Nhóm nghiên cứu hy vọng kết quả từ bài viết này sẽ giúp cho các nhà hoạch định chính sách có thêm bằng chứng khoa học để thúc đẩy nâng cao chất lượng dịch vụ trông trẻ cho con em công nhân khu công nghiệp.



PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Khảo sát về thực trạng an toàn nơi gửi trẻ được thực hiện với 711 công nhân tại 10 nhà máy thuộc hai khu công nghiệp ở thành phố Hà Nội và tỉnh Hà Nam trong giai đoạn 11/2022 - 01/2023. Đối tượng tham gia là công nhân có con từ 6-60 tháng tuổi hiện đang gửi con cơ sở gửi trẻ có trả phí (trường mầm non mẫu giáo công lập, trường mầm non mẫu giáo tư thục, nhóm trẻ tư thục độc lập, nhóm lớp tại nhà). Nhóm nghiên cứu đã thiết kế bộ câu hỏi phỏng vấn trực tuyến dựa trên bảng hỏi Early Childhood Program Participation của Natzke, J. C. & L. (2021) và bộ bảng hỏi của Emlen, Koren, & Schultz (2000), được nhóm nghiên cứu hiệu chỉnh cho phù hợp văn hóa Việt Nam [10,11]. Công nhân KCN tham gia khảo sát bằng cách trả lời các câu hỏi trực tuyến về thực trạng sử dụng dịch vụ gửi trẻ, vấn đề khi lựa chọn cơ sở trông trẻ, trải nghiệm của cha mẹ và các lo lắng liên quan đến việc gửi trẻ.

Dữ liệu từ kết quả khảo sát của 690 công nhân hiện đang gửi con ở nơi trông trẻ có thu phí (không bao gồm gửi ông bà, người thân) được đưa vào phân tích. Bảng hỏi về trải nghiệm sử dụng dịch vụ gửi trẻ đưa ra 21 câu tình huống về 3 tiêu chí: a) sự quan tâm của người trông trẻ với con, b) yếu tố an toàn và sức khỏe về tinh thần của trẻ, và c) điều kiện môi trường và an toàn thể chất. Cha mẹ đánh giá từng tình huống khi gửi trẻ theo mức thang luôn luôn/thường xuyên/thỉnh thoảng/không bao giờ xảy ra.

Kiểm định chi-square cho sự độc lập được dùng để tìm mối liên hệ giữa các tình huống và loại hình cơ sở trông trẻ (CS): công lập, tư thục quy mô lớn, nhóm trẻ tại nhà/tư thục quy mô nhỏ. Khi giá trị $p < 0,05$ nghĩa là có sự khác biệt thống kê (chắc chắn có sự khác biệt) giữa các loại hình cơ sở trông trẻ liên quan đến chỉ số phân tích.

1. Trải nghiệm sử dụng dịch vụ gửi trẻ

Bảng 1. Tình huống tích cực: So sánh tỉ lệ cha mẹ đánh giá tình huống thường xuyên/ luôn luôn/ thỉnh thoảng xảy ra ở 3 loại cơ sở trông trẻ (CS)

Tình huống tích cực	Tất cả CS (%)	CS công lập (%)	CS tư thực cỡ lớn (%)	CS tư thực cỡ nhỏ (%)
A. Sự quan tâm của người trông trẻ				
Người trông trẻ vui khi nhìn thấy con tôi	96,1	95,7	96,8	97,0
Người trông trẻ thể hiện sự ấm áp, tình cảm.	95,2	95,5	92,8	97,0
Con tôi được đối xử tôn trọng.	92,8	92,3	93,6	94,0
Người trông trẻ quan tâm tới con tôi.	94,4	93,6	95,2	97,0
Con tôi được người trông trẻ chú ý nhiều hơn.	87,5	86,9	88,8	89,0
Người trông trẻ có vẻ vui vẻ và hài lòng.	92,6	93,6	91,2	90,0
B. Yếu tố an toàn của người trông trẻ				
Con tôi cảm thấy an toàn và yên tâm.	32,6	35,3	20,0	36,6*
Con tôi vui vẻ khi ở cơ sở gửi trẻ.	96,4	96,3	96,0	97,0
Con tôi cảm thấy được cô quý mến.	91,9	93,3	91,2	86,0*
Con tôi thích người trông trẻ.	92,0	91,8	91,2	94,0
Con tôi được an toàn với người trông trẻ.	91,5	91,4	92,0	90,0
C. Điều kiện môi trường và an toàn thể chất				
Vật dụng nguy hiểm được giữ ngoài tầm với trẻ.	61,5	60,0	92,0	90,0

*Chú thích: Các số liệu được in đậm có sự khác biệt thống kê trong kiểm định chi-square ở mức $p < 0,05$

Kết quả phân tích báo cáo từ 690 công nhân cho thấy cứ 10 công nhân thì có 9 người báo cáo con họ được sự quan tâm, chăm sóc của người trông trẻ và người trông trẻ có thái độ vui vẻ với trẻ theo quan sát của cha mẹ (Bảng 1 - mục A). Tỷ lệ cha mẹ nhận thấy trẻ vui vẻ khi ở cơ sở gửi trẻ và quý cô giáo cũng rất cao, đạt trên 90% (Bảng 1 - mục B) và không có sự khác biệt thống kê giữa 3 nhóm cơ sở gửi trẻ.

Tuy nhiên, kết quả ở Bảng 1 - mục B cho thấy chỉ có 32,6% cha mẹ cho rằng con cảm thấy an toàn và yên tâm tại cơ sở gửi trẻ, trong đó tỷ lệ ở trường công lập đạt 35,3%, nhóm trẻ tư thực quy mô lớn chỉ chiếm 20%; nhóm trẻ quy mô nhỏ đạt 36,6% và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Tỷ lệ cha mẹ báo cáo con ở nhóm lớp độc lập quy mô nhỏ được cô quý mến chiếm tỷ lệ thấp nhất 86,0% so với 91,2% và 93,3% ở nhóm lớp quy mô lớn và trường công lập ($p < 0,05$).

Bảng 2 trình bày báo cáo của cha mẹ về một số biểu hiện tiêu cực ở giáo viên và của trẻ sau khi đi lớp. Nhìn tổng thể 52,3% cha mẹ cho rằng cô trông trẻ phải trông coi quá nhiều trẻ cùng một lúc và có sự khác biệt giữa các loại hình cơ sở. Tại nhóm lớp quy mô nhỏ, cứ 2 công nhân thì có 1 người (52,3%) báo cáo cô trông trẻ ở nơi họ gửi con hiện phải trông coi quá nhiều trẻ cùng một lúc. Tại trường công lập, cứ 10 công nhân thì có 5 người báo cáo như vậy (54,0%) và tỷ lệ tại trường công lập là 40,8% (cứ 10 người thì 4 người báo cáo) ($p < 0,05$).

Về yếu tố an toàn và tinh thần của trẻ, cứ 4 công nhân thì có 1 người (25,5%) báo cáo con họ hay cáu kỉnh từ khi đi nhà trẻ (Bảng 2 - mục B) và tỷ lệ ở trường công lập là 1:4 (24,7%); ở trường tư thục quy mô lớn là 1:5 (20,8%) và ở nhóm lớp quy mô nhỏ là 1:3 (35,0%) ($p < 0,05$).

Bảng 2. Tình huống tiêu cực: So sánh tỉ lệ cha mẹ đánh giá tình huống thường xuyên/luôn luôn xảy ra ở 3 loại cơ sở trông trẻ (CS).

Tình huống tiêu cực	Tất cả CS (%)	CS công lập (%)	CS tư thục cỡ lớn (%)	CS tư thục cỡ nhỏ (%)
A. Sự quan tâm của người trông trẻ				
Cô trông trẻ một mình phải trông coi quá nhiều trẻ cùng một lúc.	52,3	54,0	40,8	59,0*
Người trông trẻ cần thêm trợ giúp để trông trẻ.	52,0	50,5	50,4	61,0
B. Yếu tố an toàn và sức khỏe về tinh thần của trẻ				
Con tôi hay cáu kỉnh từ khi đi nhà trẻ.	25,5	24,7	20,8	35,0*
Con tôi cảm thấy đơn độc và bị cô lập ở cơ sở trông trẻ.	12,3	12,9	8,0	15,0
Người trông trẻ mất kiên nhẫn với con tôi.	17,3	18,7	9,6	20,0*
Tôi lo lắng về chuyện không tốt có thể xảy ra với con tôi ở lớp.	40,3	41,4	32,0	47,0
C. Điều kiện môi trường và an toàn thể chất				
Trẻ trong lớp/nhóm có vẻ lộn xộn, mất kiểm soát.	31,0	31,8	24,0	36,0
Điều kiện môi trường trường lớp mất vệ sinh.	14,6	14,4	10,4	21,0
Trẻ xem quá nhiều tivi.	32,0	34,6	20,0	35,0*

*Chú thích: Các số liệu được in đậm có sự khác biệt thống kê trong kiểm định chi-square ở mức $p < 0,05$

Người trông trẻ mất kiên nhẫn với trẻ là một trong những nguy cơ tiềm ẩn của việc bạo hành trẻ, tuy hành vi chưa xác thực, có tới 17,3% cha mẹ báo cáo đã từng thấy người trông trẻ mất kiên nhẫn với con mình, trong đó tỷ lệ ở các trường mầm non và mẫu giáo công lập là 18,7%; ở trường tư thục quy mô lớn là 9,6% và ở điểm trông trẻ quy mô nhỏ là 20% và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê. Trẻ được gửi ở các cơ sở trông trẻ quy mô nhỏ và trường công lập có nguy cơ gặp cô giáo thiếu kiên nhẫn cao hơn gấp 2 lần so với trẻ được gửi ở cơ sở tư thục quy mô lớn.

Có tới 40,3% cha mẹ lo lắng về chuyện không tốt có thể xảy ra với con ở lớp (Bảng 2 - mục B) trong khi 96,4% cha mẹ báo cáo con vui vẻ khi ở cơ sở gửi trẻ (Bảng 1 - mục B) cho thấy ảnh hưởng của các vụ bạo hành đưa tin trên truyền thông đại chúng phần nào ảnh hưởng tới tâm lý cha mẹ.

Có tới 14,6% cha mẹ báo cáo điều kiện môi trường của lớp con mất vệ sinh và 32% báo cáo trẻ xem quá nhiều tivi. Tỷ lệ xem nhiều tivi ở trường công và tư thục quy mô nhỏ cao ở mức báo động (35%) (Bảng 2 - mục C)

2. Chất lượng tổng hợp

Cuộc khảo sát đưa ra 3 câu hỏi về chất lượng dịch vụ, người tham gia trả lời chắc chắn có (đồng ý với câu đánh giá đưa ra), có thể, hoặc không đồng ý với từng câu. Nhóm nghiên cứu dùng kiểm định chi-square cho sự độc lập về mối liên hệ giữa các câu đánh giá và loại hình cơ sở trông trẻ (trường công lập, nhà trẻ tư thục quy mô lớn, nhóm trẻ tại nhà).

Kết quả phân tích bảng 3 cho thấy khoảng 40% cha mẹ cho rằng cơ sở trông trẻ hiện tại có những gì con họ cần. Tỷ lệ không hài lòng chiếm rất nhỏ (<1,7%) và tỷ lệ vẫn còn băn khoăn về chất lượng (cơ sở cần cải thiện thêm) chiếm 58,6%. 'Nếu phải chọn lại, tôi vẫn sẽ chọn cơ sở này' là chỉ số cho thấy họ hoàn toàn hài lòng về cơ sở gửi trẻ. Tỷ lệ này chỉ chiếm 34%.

Bảng 3. Đánh giá chất lượng tổng hợp của dịch vụ trông trẻ

Đánh giá	Tất cả CS (%)	CS công lập (%)	CS tư thục cỡ lớn (%)	CS tư thục cỡ nhỏ (%)
1) Cơ sở trông trẻ này có những gì con tôi cần.*				
Chắc chắn có	39,7	43,0	28,8	38,0
Có thể	58,6	56,3	66,4	59,0
Không	1,7	0,7	4,8	3,0
2) Nếu phải chọn lại, tôi vẫn sẽ chọn cơ sở trông trẻ này.				
Chắc chắn có	33,6	34,8	26,4	37,0
Có thể	63,8	63,4	69,6	58,0
Không	2,6	1,7	4,0	5,0
3) Tôi có thể giới thiệu cơ sở trông trẻ này cho bố mẹ khác.				
Chắc chắn có	50,4	51,6	49,6	46,0
Có thể	46,2	45,2	46,4	51,0
Không	3,3	3,2	4,0	3,0

*Chú thích: Các số liệu được in đậm có sự khác biệt thống kê trong kiểm định chi-square ở mức $p < 0,05$

Đánh giá chung về chất lượng cơ sở gửi trẻ hiện tại, 12,0% cha mẹ đánh giá mức hoàn hảo, xuất sắc (7,1%), tốt (56,7%), khá (18,7%), kém (5,4%) và chỉ 1 người đánh giá tồi tệ (0,1%).



Nhìn chung, theo báo cáo của cha mẹ, con em công nhân khu công nghiệp có trải nghiệm tốt ở trường mầm non. Hầu hết trẻ thường xuyên nhận được sự quan tâm, chú ý, được đối xử tôn trọng. Tuy vậy, hơn nửa cha mẹ cho rằng người trông trẻ cần thêm sự giúp đỡ và người trông trẻ phải chăm sóc quá nhiều trẻ một lúc. Phân tích dữ liệu cho thấy có mối liên hệ giữa loại cơ sở (công lập, tư thực, và nhóm trẻ tại nhà quy mô nhỏ) với tần suất của tình trạng lớp sĩ số quá đông cho mỗi một giáo viên mầm non. Theo số liệu của Bộ GD&ĐT năm 2020, Việt Nam thiếu hơn 45.000 giáo viên bậc mầm non [1], phản ánh kết quả phân tích khảo sát này.

Với các yếu tố về sức khỏe thể chất và tinh thần, khảo sát cho thấy trẻ chưa thực sự được đảm bảo an toàn ở mầm non. Hơn 90% cha mẹ đánh giá con mình thích người trông trẻ, được vui vẻ, an toàn, và được cô quý mến. Tuy nhiên, chỉ 32,6% cha mẹ cho rằng trẻ cảm thấy an toàn và yên tâm. 1 trên 4 trẻ hay tỏ ra bực bội, cáu kỉnh từ khi đi nhà trẻ. 40% cha mẹ lo lắng về điều không tốt có thể xảy ra với con ở lớp. Ở ba tình huống vừa nêu, kết quả phân tích dữ liệu cũng cho thấy tỷ lệ các chỉ số tiêu cực ở các

THẢO LUẬN

nhóm trẻ lớp quy mô nhỏ tại nhà luôn cao nhất, nói cách khác, nhiều nguy cơ nhất.

Đánh giá về chất lượng dịch vụ, cứ 10 công nhân thì có khoảng 4 người tham gia cảm thấy cơ sở trông trẻ có đáp ứng đủ nhu cầu của con (39,7%) và 1 trên 3 công nhân vẫn sẽ chọn cơ sở này nếu được chọn lại (33,6%). Nhưng có tới 50,4% nói họ có thể giới thiệu cơ sở này cho người khác cho thấy lời giới thiệu từ cha mẹ đã gửi con ở đó không nên là sự đảm bảo về chất lượng của cơ sở gửi trẻ. Cha mẹ cần các biện pháp phụ trợ khác để đánh giá chất lượng cơ sở trước khi quyết định gửi con.



THẢO LUẬN

Quyết định 1677/QĐ-TTg ngày 03/12/ 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025 đã khuyến khích đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục mầm non (mục III, điểm 9b) “tạo điều kiện thuận lợi về đất đai, tín dụng, thuế và thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục mầm non phục vụ nhu cầu chăm sóc giáo dục trẻ của công nhân, người lao động ở các khu công nghiệp, khu chế xuất và của người dân ở những nơi tập trung đông dân cư” [12]. Quyết định 655/2017/QĐ-TTg ngày 12/05/2017 cũng khuyến khích xây dựng các thiết chế công đoàn, bao gồm cả nhà ở và nhà trẻ, tại các khu công nghiệp, khu chế xuất [13]. Nhưng tính tới thời điểm hiện tại, có duy nhất Nghị định 105/220/NĐ-CP ngày 08/09/2020 đưa ra chính sách cụ thể đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động, bao gồm điều 5 (hỗ trợ trực tiếp 20 triệu cho mỗi cơ sở chăm sóc nhiều con em công nhân lao động), điều 6 (Chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển giáo dục mầm non), và điều 8 (hỗ trợ trực tiếp 160.000 đ/tháng/trẻ x thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học) [14].

Việc giám sát chất lượng chuyên môn kỹ thuật các cơ sở gửi trẻ tư thục quy mô nhỏ được giao cho UBND xã phường và hiệu trưởng/hiệu phó của các trường mầm non, mẫu giáo công lập xã/phường phụ trách, trong khi tại Bình Dương và Đồng Nai (hai tỉnh có số lượng lớn KCN KCX), trung bình mỗi xã phường có 7-11 nhóm lớp tư thục quy mô nhỏ tại nhà, chưa kể đến các trường tư thục dân lập quy mô lớn¹. Việc đảm bảo chất lượng các cơ sở trông trẻ tư thục, dân lập, bao gồm cả quy mô lớn và nhóm lớp quy mô nhỏ tại nhà, đều đang là câu hỏi cần lời giải và hướng dẫn chính sách, kỹ thuật từ cơ quan quản lý nhà nước mà đầu mối là Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc mở rộng độ bao phủ và tăng cường chất lượng của các trường mầm non (gửi trẻ 6-36 tháng tuổi) dành cho con em công nhân KCN KCX cần sự quan tâm chú ý đặc biệt để đảm bảo chính sách được thực thi nghiêm túc.

(1) Số liệu Bộ GD&ĐT tỉnh Bình Dương, Bộ GD&ĐT tỉnh Đồng Nai năm 2022.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo Dục và Đào Tạo (2020). Phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi. Truy cập ngày 16/02/2023 từ <https://moet.gov.vn/Pages/tim-kiem.aspx?ItemID=701>
- Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/06/2019. Truy cập ngày 16/03/2023 từ <http://thuvienphapluat.vn>
- Hentschel, E., Tran, H. T., Nguyen, V. H., Tran, T., & Yousafzai, A. K. (2023). The effects of a childcare training program on childcare quality and child development: Evidence from a quasi-experimental study in Vietnam. *Children and Youth Services Review*, 106844.
- Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư (2021). Diễn đàn xúc tiến đầu tư vào khu công nghiệp Việt Nam. Truy cập ngày 16/03/2023 từ <https://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=52594&idcm=188>
- Bộ Xây Dựng (2022). Thực trạng và tồn tại trong quá trình quy hoạch, đầu tư khu công nghiệp và quá trình phát triển đô thị gắn với nhà ở công nhân. Truy cập ngày 16/03/2023 từ <https://moc.gov.vn/tl/Pages/chitiettin.aspx?IDNews=71101&tieude=thuc-trang-va-ton-tai-trong-qua-trinh-quy-hoach-dau-tu-khu-cong-nghiep-va-qua-trinh-phat-trien-do-thi-gan-voi-nha-o-cong-nhan.aspx>
- Tổng Liên đoàn Lao động TP Hà Nội (2022). Báo cáo kết quả công tác công đoàn và phong trào CNVCLĐ năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023.
- Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/06/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2025. Truy cập ngày 15/2/2023 từ <http://thuvienphapluat.vn>
- Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 20/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án "Hỗ trợ, phát triển nhóm trẻ độc lập tư thục ở khu vực khu công nghiệp, khu chế xuất đến năm 2020". Truy cập ngày 15/02/2023 từ <http://thuvienphapluat.vn>
- Quyết định số 655/QĐ-TTg ngày 12/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án "Đầu tư xây dựng các thiết chế của công đoàn tại các khu công nghiệp, khu chế xuất". Truy cập ngày 15/2/2023 từ <http://thuvienphapluat.vn>
- Natzke, J. C. & L. (2021). Early childhood program participation: 2019. National Center for Education Statistics (NCES) Home Page, a part of the U.S. Department of Education. Truy cập ngày 15/02/2023 từ <https://nces.ed.gov/pubsearch/pubsinfo.asp?pubid=2020075rev>
- Emlen, A., Koren, P., & Schultz, K. (2000). Packet of scales for measuring quality of child care from a parent's point of view. Eugene: Oregon State University.
- Quyết định 1677/QĐ-TTg ngày 03/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025. Truy cập ngày 15/2/2023 từ thuvienphapluat.vn
- Quyết định 655/QĐ-TTg ngày 12/05/2017: Phê duyệt đề án "Đầu tư xây dựng thiết chế công đoàn tại khu công nghiệp chế xuất". Truy cập ngày 20/03/2023 từ thuvienphapluat.vn
- Nghị định 105/220/NĐ-CP ngày 08/09/2020 của Chính phủ: Quy định Chính sách Phát triển Giáo dục Mầm non. Truy cập ngày 15/02/2023 từ thuvienphapluat.vn

NHÓM NGHIÊN CỨU

Đoàn Quỳnh Chi - Cán bộ Nghiên cứu Trung tâm RTCCD
 Đỗ Hồng Vân - Trưởng ban Nữ công Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
 Huỳnh Thị Hải Vân - Chuyên viên chính Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
 Trần Thị Thu Hà - Giám đốc Trung tâm RTCCD

HƯỚNG DẪN TRÍCH DẪN

Chi Đoàn, Vân Đỗ, Vân Huỳnh & Hà Trần (2023). *Đánh giá của công nhân khu công nghiệp về cơ sở mầm non, mẫu giáo: An toàn trẻ em và chất lượng dịch vụ*. Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo Phát triển Cộng đồng & Tổng Liên đoàn Lao Động Việt Nam. Hà Nội, tháng 4 - 2023

CƠ QUAN THỰC HIỆN NGHIÊN CỨU

Trung tâm Nghiên cứu & Đào tạo Phát triển Cộng đồng (RTCCD)
 Số 6, ngõ 46, Trần Kim Xuyến, phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
 ĐT: 024-36280350 E: office@rtccd.org.vn
 Website: www.rtccd.org.vn

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
 82 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
 ĐT: 024-39421181
 E-mail: congthongtincdvn@gmail.com
 Website: www.congdoan.vn